

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 652/TTr-TNMT ngày 03/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy Chenfeng New Materials Việt Nam”, địa chỉ tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Chenfeng New Materials Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400874486 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/10/2019, đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 02/02/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400874486

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất và gia công các sản phẩm sản Composite nhựa đá SPC.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 13.332,4 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Sản xuất, gia công các sản phẩm sản composite nhựa đá SPC (stone plastic composite): 43.000 m³/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép phát sinh nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam

1. Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy Chenfeng New Materials Việt Nam” tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy Chenfeng New Materials Việt Nam” tại một phần lô K(K1-4), khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; UBND huyện Việt Yên; Công ty TNHH Chenfeng New Materials Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Binh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày. đêm của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu, hố ga G63 trên mạng lưới thoát nước thải và nằm trên vỉa hè, nằm ngoài hàng rào về phía Đông Nam của dự án.

+ Tọa độ vị trí xả thải: X = X: 2348800; Y = Y: 408067 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 0,416 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày. đêm được bơm qua đường ống PVC DN250 dài khoảng 5 m vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom của KCN Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ

2.3.3. Chất lượng nước thải trước đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50

3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	100
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,5
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom bằng ống nhựa PVC D90 về các bể tự hoại 3 ngăn (03 bể tự hoại 3 ngăn tổng dung tích 24 m³ (01 bể tại nhà xưởng số 1 dung tích 13 m³, 01 bể tại nhà xưởng số 2 dung tích 8 m³, 01 bể tại nhà bảo vệ dung tích 3m³) của nhà máy để xử lý sơ bộ. Sau đó được dẫn qua ống PVC DN200 chiều dài 37m, với 3 hố ga (kích thước 0,6mx0,6mx1m) và qua ống PVC DN250 chiều dài 239 m, với 8 hố ga (kích thước 0,6mx0,6mx1m) về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

* Nước làm mát: Nước sử dụng cho hệ thống làm mát máy móc được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài môi trường, lượng nước bốc hơi do quá trình tản nhiệt, lượng nước này được định kỳ bổ sung 02m³/ngày. Định kỳ nạo vét cặn bể nước làm mát 06 tháng/lần.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm: Nước thải sinh hoạt → bể điều hòa → bể thiếu khí →bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (QCVN40:2011/BTNMT, cột B) và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 10m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Natri hydroxit 2,5%: 20lít/ngày; Polyacrylamide 0,2%: 30lít/ngày; Clorua 2,5%: 50 lít/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 10/11/2022 đến 12/11/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm xả nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí nước thải tại bể điều hòa	Thực hiện lấy 01 lần - Thời gian lấy mẫu: Ngày 10/11/2022		
2	01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quang Châu	- Tần suất: 01 ngày/lần. (lấy mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp) - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 10/11/2022 + Lần 2: Ngày 11/11/2022 + Lần 3: Ngày 12/11/2022	pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Sunfua (S ²⁻), Amoni, tổng dầu mỡ khoáng; tổng Photpho, tổng nitơ; Coliform	QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B)

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Gồm 02 nguồn phát sinh khí thải trong quá trình sản xuất, như sau

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nghiền sản phẩm.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí:

- Vị trí số 1: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình nghiền sản phẩm, toạ độ vị trí xả khí thải: X: 2348893; Y:408072 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).

- Vị trí số 2: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép, toạ độ vị trí xả khí thải: X: 2348737; Y:408140(theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Vị trí số 01: 47.000 m³/giờ tương đương 376.000 m³/ngày.
- Vị trí số 02: 37.000 m³/giờ tương đương 296.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 08 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT đối với bụi, khí thải cụ thể như sau:

- Đối với khí thải từ quá trình nghiền:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19: 2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi Tổng	(mg/Nm ³)	200	03 tháng/lần

- Đối với khí thải từ quá trình đùn ép:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19: 2009/BTNMT; QCVN 20: 2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	(mg/Nm ³)	200	03 tháng/lần
2	CO	(mg/Nm ³)	1.000	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	
5	Benzen	mg/Nm ³	5	06 tháng/lần
6	Toluen	mg/Nm ³	750	
7	Xylen	mg/Nm ³	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Đối với bụi phát sinh từ 3 máy nghiền:

Đối với máy nghiền bố trí đường ống thu gom kín, trực tiếp đến tháp xử lý bụi, ống dẫn bụi được sử dụng ống kẽm, cụ thể như sau: 03 máy nghiền, mỗi máy thu về ống D200 có chiều dài 3m, sau đó được thu tập trung về ống dẫn khí chung D400, chiều dài 15m về tháp xử lý bụi.

* Khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép được thu gom bằng các chụp hút phía trên khu vực phát sinh khí thải từ khu vực đùn ép, cách khu vực đùn ép khoảng 40cm và ống dẫn khí được sử dụng ống thép, cụ thể như sau: 16 chụp hút kích thước 1,5m x 0,8m thu về ống Ø 150, chiều dài 2m, khí thải sau đó được thu tập trung về ống dẫn khí chung Ø 600, chiều dài 40m về tháp hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Hệ thống xử lý bụi (khí thải) phát sinh từ quá trình nghiền:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi (khí thải) phát sinh từ quá trình nghiền: Bụi → ống dẫn khí → quạt hút → tháp xử lý bụi túi vải → ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 47.000 m³/giờ.

* Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép: Khí thải → chụp hút → ống dẫn khí → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → ống thoát khí (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 50kg/tháng

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 37.000 m³/giờ

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố .

* Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Trong quá trình vận hành xử lý khí thải cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành và yêu cầu giám sát. Đào tạo cán bộ chuyên trách vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

* Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 10/11/2022 đến ngày 12/11/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình nghiền; 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của 2 hệ thống xử lý khí thải

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định			
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi (khí thải) từ quá trình nghiền)	- Tần suất: 01 ngày/lần (trong 03 ngày liên tiếp) - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 10/11/2022 + Lần 2: Ngày 11/11/2022 + Lần 3: Ngày 12/11/2022	Bụi tổng	QCVN 19:2009/BTNMT

2	01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đun ép	- Tần suất: 01 ngày/lần. (trong 3 ngày liên tiếp) - Thời gian lấy mẫu: + Lần 1: Ngày 10/11/2022 + Lần 2: Ngày 11/11/2022 + Lần 3: Ngày 12/11/2022	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x , VOCs (Benzen, Toluen, Xylen).	QCVN 19: 2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT
---	--	--	---	--

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy nghiền.
- Nguồn số 02: Từ hệ thống máy cắt.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy nghiền. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2348716; Y = 0408135 (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).
- Nguồn số 02: Từ hệ thống máy cắt. Tọa độ vị trí phát sinh: X = 2348753; Y = 0408154 (hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định như máy bơm, máy phát điện dự phòng có thể sử dụng tường cách âm để giảm ồn.

Ngoài ra, chủ dự án cũng sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.
- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,...
- Bổ sung dải cây xanh, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh, đồng thời, giúp cải thiện môi trường không khí thêm trong lành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: khoảng 6.890 kg/năm, gồm:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	60
2	Dầu, mỡ thải	180
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ	850
4	Than hoạt tính thải bỏ	600
5	Vỏ thùng keo	2.200
6	Bụi từ lọc bụi túi vải	2.000
7	Bavia đầu mẫu dính keo	1.000
8	Tổng	6.890

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đầu nhựa thừa và sản phẩm lỗi từ công đoạn ép nhựa	862.580
2	Các ba via, đầu mẫu nhựa từ quá trình cắt định hình, cắt tạo rãnh sản phẩm	12.000
3	Bụi từ hệ thống xử lý khí thải	31.129
4	Cặn bể nước làm mát	110
Tổng		905.819

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 50 kg/ngày, tương đương 1.300 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 7 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy loại 120 lít có dán mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho lưu chứa chất thải nguy hại 12m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép, bên ngoài có lắp biển cảnh báo nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng chứa có nắp đậy bằng nhựa loại có dung tích 200lít tại các khu vực sản xuất.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho chứa chất rắn công nghiệp thông thường: 8m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí đặt 11 thùng nhựa chứa rác dung tích 60lít trong khu vực nhà vệ phòng, khuôn viên, nhà ăn.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất rắn sinh hoạt: 4m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây gạch, trát vữa xi măng, mái lợp tôn, cửa thép.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /10/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quang Châu, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 652/TTr-TNMT ngày 03/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.